

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC  
VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 24

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Thành viên**

Ông Nguyễn Quốc Huy  
Ông Nguyễn Hồng Hiến  
Ông Vũ Hải Vĩnh  
Bà Đỗ Thị Thuý Hương  
Ông Lưu Hoàng Long

##### **Chức vụ**

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lưu Hoàng Long  
Ông Vũ Song Toàn  
Ông Nguyễn Anh Dũng  
Ông Vũ Hải Vĩnh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc


#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Số: 402 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 09/10/2013, từ trang 03 đến trang 24. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên*

Tổng Công ty chưa xác định và loại trừ các khoản giao dịch nội bộ, công nợ nội bộ trong báo cáo hợp nhất.

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình và Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa đã được kiểm toán, báo cáo tài chính riêng của các Công ty con khác chưa được kiểm toán. Các khoản đầu tư vào Công ty con tại thuyết minh số 11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết đang phản ánh theo giá gốc.

Tổng Công ty chưa thuyết minh một số chỉ tiêu, như: Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư, chi phí phải trả, vốn chủ sở hữu, chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, dự phòng công nợ phải thu, phải trả, giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những hạn chế phạm vi kiểm toán và chưa thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Đức Tiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Phương Lan  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MÁU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.250.808.481.108</b>	<b>1.218.622.930.276</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>158.425.183.943</b>	<b>182.149.197.271</b>
1. Tiền	111		23.325.183.943	48.497.340.187
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.100.000.000	133.651.857.084
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>410.830.758.924</b>	<b>324.325.195.577</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		410.830.758.924	324.325.195.577
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>381.005.168.222</b>	<b>341.914.925.525</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	230.877.823.049	230.653.410.155
2. Trả trước cho người bán	132	7	120.619.805.690	103.350.196.531
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		3.663.079.004	4.939.000
4. Các khoản phải thu khác	135	8	43.986.847.251	26.104.726.611
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.142.386.772)	(18.198.346.772)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>243.891.522.633</b>	<b>304.163.078.370</b>
1. Hàng tồn kho	141		246.962.386.759	308.768.846.125
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.070.864.126)	(4.605.767.755)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>56.655.847.386</b>	<b>66.070.533.533</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.826.804.824	10.049.444.507
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.088.603.988	6.366.834.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		595.956.860	459.154.323
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	39.144.481.714	49.195.099.853
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>405.469.392.173</b>	<b>406.667.862.311</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.829.978.546</b>	<b>338.800.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		338.800.000	338.800.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>132.404.916.394</b>	<b>175.462.727.047</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		56.747.313.342	102.305.796.834
- Nguyên giá	222		166.464.895.230	218.957.454.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.717.581.888)	(116.651.657.574)
2. Tài sản cố định vô hình	227		49.367.711.281	50.069.399.048
- Nguyên giá	228		53.189.832.908	53.605.217.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.822.121.627)	(3.535.818.860)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		26.289.891.771	23.087.531.165
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>13.718.311.472</b>	<b>14.533.581.036</b>
- Nguyên giá	241		35.923.933.307	35.923.933.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.205.621.835)	(21.390.352.271)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>238.390.251.253</b>	<b>194.435.417.056</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	84.916.992.424	14.172.353.778
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	59.620.468.829	86.410.273.278
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	93.952.790.000	93.952.790.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(100.000.000)	(100.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.403.766.148</b>	<b>11.075.306.617</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.730.857.460	9.612.221.947
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.564.908.688	829.646.888
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.000.000	633.437.782
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>9.722.168.360</b>	<b>10.822.030.555</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.656.277.873.281</b>	<b>1.625.290.792.587</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÁU SỐ B 01 - DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>698.796.516.262</b>	<b>625.092.265.148</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>680.677.206.902</b>	<b>606.785.220.836</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	144.011.763.041	146.401.588.408
2. Phải trả người bán	312	15	116.964.437.312	129.308.292.710
3. Người mua trả tiền trước	313	16	88.744.780.470	61.916.833.597
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	64.316.455.459	78.812.526.477
5. Phải trả người lao động	315		10.451.905.915	9.845.837.381
6. Chi phí phải trả	316		36.204.864.322	36.371.272.975
7. Phải trả nội bộ	317		-	597.655.280
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		29.996.775.465	30.689.199.701
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	167.403.836.411	92.347.937.054
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		15.328.171.738	16.429.646.332
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.254.216.769	4.064.430.921
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.119.309.360</b>	<b>18.307.044.312</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		5.095.183.316	3.198.649.317
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(89.973.767)	497.666.145
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.796.366.445	3.210.867.000
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	19	8.986.255.280	10.815.521.500
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.331.478.086	584.340.350
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>689.045.902.680</b>	<b>729.242.051.941</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>673.190.761.274</b>	<b>713.045.232.335</b>
1. Vốn điều lệ	411		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(13.168.375.430)	(12.757.078.667)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.159.150)	4.444.308
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.631.874.101	26.191.456.685
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.807.800.023	13.945.711.702
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.877.126.951	4.877.126.951
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		200.045.494.779	239.280.669.104
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	3.502.902.252
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>15.855.141.406</b>	<b>16.196.819.606</b>
1. Nguồn kinh phí	432		15.855.141.406	16.196.819.606
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>20</b>	<b>268.435.454.339</b>	<b>270.956.475.498</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.656.277.873.281</b>	<b>1.625.290.792.587</b>



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

MẪU SỐ B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		214.613.550.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		359.538.579
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	214.254.011.687
4. Giá vốn hàng bán	11	22	175.907.266.421
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.346.745.266
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	32.061.584.529
7. Chi phí tài chính	22	24	4.432.188.686
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.917.362.398
8. Chi phí bán hàng	24		20.853.007.682
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.542.895.549
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		8.580.237.878
11. Thu nhập khác	31		3.142.331.935
12. Chi phí khác	32		298.080.305
13. Lợi nhuận khác (40=30+31-32)	40		2.844.251.630
14. Lãi lỗ của Công ty liên kết	45		1.720.346.515
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.144.836.023
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.339.548.342
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(627.242.388)
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.432.530.069
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			5.836.692.521
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			5.595.837.548
21. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	25	128



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

**MẪU SỐ B 03 - DN**  
Đơn vị: VND  
Từ 01/01/2013  
đến 30/06/2013

**CHỈ TIÊU**

**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Đơn vị: VND
1	298.075.648.527
2	(196.921.961.074)
3	(39.426.362.264)
4	(1.794.065.703)
5	(4.993.077.995)
6	114.212.788.924
7	(146.684.390.706)
20	22.468.579.709

**II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

1	(1.425.366.000)
2	(1.668.920)
3	(102.190.176.636)
4	89.463.306.816
5	(2.452.672.284)
6	10.480.500.000
7	33.789.170.423
30	27.663.093.399

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1	(740.527.123)
2	59.722.650.604
3	(121.148.000.881)
4	(11.725.347.920)
40	(73.891.225.320)
50	(23.759.552.212)
60	182.149.197.271
61	35.538.884
70	158.425.183.943



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFOMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116 QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 2/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 1/3/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/4/2009.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động theo Đăng ký kinh doanh tại: Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2013 là 162 người (tại ngày 31/12/2012 là 162 người).

**Các Công ty con và Công ty liên kết**

***Các Công ty con được hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm:***

Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa  
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức  
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa  
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific  
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình  
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa  
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics  
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp

***Các Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu***

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điện tử Việt Nam  
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa  
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam  
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV.
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực điện tử và tin học;
- Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30/06. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con, liên doanh liên kết và Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa vật kiến trúc	20 – 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 08

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác là các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí nhận diện thương hiệu được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 03 (ba) năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn điều lệ của Tổng Công ty bao gồm số vốn do Nhà nước bàn giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng và phần vốn góp khác của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế hàng năm, các quỹ được phân phối theo quyết định của Hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.438.306.006	5.757.770.618
Tiền gửi ngân hàng	19.886.877.937	42.739.569.569
Các khoản tương đương tiền	135.100.000.000	133.651.857.084
<b>Cộng</b>	<b>158.425.183.943</b>	<b>182.149.197.271</b>

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	319.209.807.763	129.010.000.000
Cho vay ngắn hạn	91.620.951.161	195.315.195.577
<b>Cộng</b>	<b>410.830.758.924</b>	<b>324.325.195.577</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu tại:</b>		
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	9.680.312.378	11.351.718.973
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	4.732.623.682	8.749.565.928
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	10.069.934.151	7.534.785.490
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	271.011.553	17.199.720.363
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	22.514.537.548	34.476.129.124
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	7.242.644.149	9.275.524.870
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	25.090.627.695	42.827.867.239
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	74.935.371.026	1.094.034.613
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	76.340.760.867	98.144.063.555
<b>Cộng</b>	<b>230.877.823.049</b>	<b>230.653.410.155</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước tại:</b>		
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	1.469.480.005	1.370.039.999
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	1.457.564.658	4.958.913.328
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	42.829.600	30.661.600
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	66.785.281.377	54.670.418.466
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	9.463.861.820	7.730.633.281
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	1.420.240.000	219.450.000
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	8.356.099.693	6.512.242.355
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	9.461.408.095	10.602.550.941
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	22.163.040.442	17.255.286.561
	<b>120.619.805.690</b>	<b>103.350.196.531</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Sinh Thái	5.005.000.000	-
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	-
Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	1.836.000.000	-
Phải thu công ty Tecco	1.502.658.918	-
Phải thu của Cù Khắc Vĩnh Phúc	969.789.790	-
Công Ty TNHH Kỹ Thuật TICO	931.367.889	-
Phải thu Cán bộ công nhân viên	625.301.231	-
Công ty TNHH Vĩnh Lợi	130.727.978	-
Phải thu công ty Lambda	113.723.520	-
Phải thu khác các Công ty	18.561.647.547	12.628.927.967
Phải thu về cổ phần hóa	-	965.274.174
Phải thu cổ tức	-	1.375.211.225
Các khoản cho vay không lãi suất	-	604.010.519
Lãi tiền gửi dự thu - Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	341.250.000
Phải thu BHXH	-	220.860.694
Học sinh - sinh viên đào tạo tại cơ sở 2 TP.Hồ Chí Minh	-	365.976.000
Phải thu khác	10.160.004.063	9.603.216.032
<b>Cộng</b>	<b>43.986.847.251</b>	<b>26.104.726.611</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	144.200.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.802.803.968	34.511.942.454
Công cụ, dụng cụ	247.435.501	569.192.338
Chi phí SX, KD dở dang	117.668.370.920	122.804.347.660
Thành phẩm	21.553.489.298	26.023.538.472
Hàng hóa	71.171.626.832	109.121.986.124
Hàng gửi đi bán	16.374.460.240	15.737.839.077
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>246.962.386.759</b>	<b>308.768.846.125</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.070.864.126)	(4.605.767.755)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>243.891.522.633</b>	<b>304.163.078.370</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	36.293.844.107	40.796.539.785
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.703.260.607	3.318.448.824
Tài sản ngắn hạn khác	147.377.000	5.080.111.244
<b>Cộng</b>	<b>39.144.481.714</b>	<b>49.195.099.853</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<b>30/06/2013</b>
	<b>VND</b>
Công ty CP Điện tử Thủ Đức 1	4.500.000.000
Công ty TNHH CN LED Anh Sáng Mới	43.729.717.012
Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh	510.000.000
Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương	13.500.000.000
Công ty CP Hệ Thống Gen	3.060.000.000
Công ty TNHH Giải Pháp Gen	237.275.412
Công ty Point	19.380.000.000
<b>Cộng</b>	<b>84.916.992.424</b>

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	31.169.370.980	32.440.272.373
Công ty CP Viettronimex	13.537.959.102	13.391.843.084
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	2.926.235.327	2.973.807.180
Công ty CP Điện tử Việt	-	2.634.132.856
Công ty CP Máy tính Việt Nam	1.179.828.283	1.074.906.742
Công ty CP Giống tơ tằm Mai Lĩnh (i)	1.738.750.000	1.738.750.000
Công ty CP Cơ điện tử Viettronics (i)	300.000.000	300.000.000
Công ty CP BELCO Hà Nội (i)	1.178.000.000	1.178.000.000
<b>Góp vốn liên doanh</b>		
Công ty Panasonic AVC Việt Nam (i)	6.313.730.000	18.911.800.000
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (i)	1.276.595.137	1.286.261.043
Công ty TNHH JVC Việt Nam	-	10.480.500.000
<b>Cộng</b>	<b>59.620.468.829</b>	<b>86.410.273.278</b>

**Ghi chú:**

(i): Khoản đầu tư vào các công ty này được phản ánh theo phương pháp giá gốc trong báo cáo hợp nhất.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Đầu tư XD và ứng dụng CN Mới TECCO	446.500.000	446.500.000
Công ty TNHH Bất động sản Viettronics	48.000.000.000	48.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	10.480.000.000	10.480.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	3.111.000.000	3.111.000.000
Trung tâm hội tụ đa phương tiện	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	29.621.270.000	29.621.270.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	294.020.000	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>93.952.790.000</b>	<b>93.952.790.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty con vay của TCT CP Điện tử và Tin học Việt Nam	57.890.469.275	-
Vay ngân hàng Ngoại thương	4.917.078.055	14.130.532.784
Vay Ngân hàng TMCP An Bình	43.907.909.747	90.513.455.020
Vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam	13.023.033.552	-
Vay ngắn hạn ngân hàng Phát triển	-	1.055.920.560
Vay Ngân hàng TMCP Nam Sài Gòn	-	19.233.302.239
Công ty Cổ phần Công nghệ AMEC	1.286.066.992	1.149.066.992
Vay đối tượng khác	22.987.205.420	20.319.310.813
<b>Cộng</b>	<b>144.011.763.041</b>	<b>146.401.588.408</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**Phải trả người bán tại:**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	9.479.790.768	5.627.200.903
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	135.659.418	850.466.991
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	333.437.751	1.950.881.280
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	18.900.073.647	69.845.684.244
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	5.723.474.650	14.336.633.464
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	973.997.400	112.544.750
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	14.245.078.458	15.528.955.266
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	19.843.697.062	16.799.265.554
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	47.329.228.158	4.256.660.258
<b>Cộng</b>	<b>116.964.437.312</b>	<b>129.308.292.710</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Người mua trả tiền trước tại:

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	96.983.609	1.993.535.420
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	357.124.817	571.873.037
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	434.928.027	246.929.982
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	37.669.805.995	35.105.258.488
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	1.881.257.072	82.062.627
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	24.984.580	1.191.025
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	24.457.469.173	21.931.053.433
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	19.833.620.034	949.929.585
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	3.988.607.163	1.035.000.000
<b>Cộng</b>	<b>88.744.780.470</b>	<b>61.916.833.597</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.773.676.530	15.744.049.357
Thuế xuất, nhập khẩu	644.676.334	644.811.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.604.542.774	56.912.737.474
Thuế thu nhập cá nhân	183.787.817	342.643.263
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.804.177.954	4.869.980.361
Các loại thuế khác	305.594.050	297.905.050
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	399.426
<b>Cộng</b>	<b>64.316.455.459</b>	<b>78.812.526.477</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.208.400	1.208.400
Kinh phí công đoàn	256.687.864	470.447.331
Bảo hiểm xã hội	572.403.070	556.144.151
Bảo hiểm y tế	66.808.014	5.582.250
Bảo hiểm thất nghiệp	30.282.764	17.806.559
Thuế TNCN đã thu	230.651.205	-
Phải trả về Cổ phần hóa	19.285.572	19.285.572
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	6.679.845.151	6.679.845.151
Lãi phải trả Nhà nước về cổ phần hóa (i)	20.352.613.860	20.352.613.860
Cổ tức phải trả	30.741.468.593	2.229.124.600
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Phải trả cổ đông	561.842.649	357.915.900
Dự án Điện tim	1.765.734.978	-
Trung tâm GPCN	1.191.881.375	-
Các khoản học phí Trường thu hộ	4.068.789.098	-
Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (TVMC)	1.065.232.341	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long	15.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	4.948.235.319	-
Công ty TNHH Bất động sản Viettronics	21.708.250.392	20.371.483.059
Chi nhánh TCT CP ĐT&THVN - TT Công nghệ	6.314.773.901	6.314.773.901
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.525.441.865	23.669.306.320
<b>Cộng</b>	<b>167.403.836.411</b>	<b>92.347.937.054</b>

(i) Khoản lãi trả chậm thanh toán tiền bán cổ phần Nhà nước của Tổng công ty đến thời điểm 31/12/2010 theo thông báo của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà Nước (SCIC) là 36.545.374.298 đồng. Đến thời điểm 30/06/2013 Tổng công ty đã ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính là 20.352.613.860 đồng. Nghĩa vụ về các khoản phải trả liên quan đến quyết toán cổ phần hóa sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán vốn cổ phần hóa.

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	2.714.789.000	2.784.489.000
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí các hệ khác	2.418.445.000	98.742.500
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	335.720.000	5.730.290.000
Doanh thu chưa thực hiện của Vĩnh Cường - Thủ Đức	413.301.280	-
Doanh thu khác - Tân Bình	3.104.000.000	2.202.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.986.255.280</b>	<b>10.815.521.500</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	90.734.439.050	74.541.650.466
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	2.684.704.078	3.502.159.336
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	14.581.229.785	15.296.290.673
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific	24.222.130.933	43.832.450.735
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	95.231.535.634	92.512.456.279
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	36.023.765.579	35.569.107.188
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.890.887.648	3.068.956.431
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.066.761.632	2.633.404.390
<b>Cộng</b>	<b>268.435.454.339</b>	<b>270.956.475.498</b>

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>214.613.550.266</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	193.036.028.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.543.374.760
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.918.303.675
Doanh thu bán phế liệu	115.843.531
Các khoản giảm trừ doanh thu	(359.538.579)
Trong đó:	
- Chiết khấu thương mại	(144.319.000)
- Hàng bán bị trả lại	(215.219.579)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>214.254.011.687</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	161.062.768.205
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.671.516.061
Giá vốn kinh doanh bất động sản	802.706.414
Giá vốn bán phế liệu	-
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	370.275.741
	<b>175.907.266.421</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	11.725.121.485
Lãi từ hoạt động đầu tư	4.839.399.082
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.167.240.125
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	154.859.863
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	305.238.908
Doanh thu hoạt động tài chính Công ty con	10.869.725.066
	<b>32.061.584.529</b>

025  
 CÔ  
 H N  
 KIẾ  
 V  
 G Đ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Lãi tiền vay	3.917.362.398
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	132.754.068
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Chi phí tài chính khác	382.072.220
<b>Cộng</b>	<b>4.432.188.686</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.595.837.548</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>128</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	<b>30/06/2013 VND</b>
Các khoản vay	144.011.763.041
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	158.425.183.943
Nợ thuần	(14.413.420.902)
Vốn chủ sở hữu	673.190.761.274

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>30/06/2013</b> <b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	158.425.183.943
Phải thu khách hàng và phải thu khác	257.061.083.528
Tài sản tài chính khác	39.144.481.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>454.630.749.185</b>
<b>Công nợ tài chính</b>	
Các khoản vay	144.011.763.041
Phải trả người bán và phải trả khác	289.463.457.039
Chi phí phải trả	36.204.864.322
<b>Tổng cộng</b>	<b>469.680.084.402</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

56  
T  
H  
D  
Á  
I  
C  
O  
T  
P



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Và Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/06/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	144.011.763.041	-	144.011.763.041
Phải trả người bán và phải trả khác	284.368.273.723	5.095.183.316	289.463.457.039
Chi phí phải trả	36.204.864.322	-	36.204.864.322
<b>Cộng</b>	<b>464.584.901.086</b>	<b>-</b>	<b>469.680.084.402</b>

30/06/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	158.425.183.943	-	158.425.183.943
Phải thu khách hàng và phải thu khác	256.722.283.528	338.800.000	257.061.083.528
Tài sản tài chính khác	39.144.481.714	-	39.144.481.714
<b>Cộng</b>	<b>454.291.949.185</b>	<b>338.800.000</b>	<b>454.630.749.185</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số dư đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty đã được kiểm toán. Công ty không lập báo cáo hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 nên

không có số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ.



**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

**Nguyễn Trung Dũng**  
Kế toán trưởng

**Lê Thị Thu Hương**  
Người lập biểu